

THÔNG BÁO

V/v tuyển sinh đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật hóa học đợt 2 năm 2022

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-ĐHCNVT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Việt Trì về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ trường Đại học Công nghiệp Việt Trì;

Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2022;

Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì thông báo tuyển sinh đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật hóa học đợt 2 năm 2022 như sau:

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

- Là người đã tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành dự tuyển (Xem Phụ lục 1).

- Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3 hoặc tương đương trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Xem phụ lục 2).

2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 24 chỉ tiêu

3. Hình thức và thời gian đào tạo:

3.1. Hình thức đào tạo: chính quy.

3.2. Thời gian đào tạo: từ 1,5 đến 02 năm.

4. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

Thi tuyển sinh bao gồm 3 môn thi: Môn ngoại ngữ, môn cơ sở ngành, môn chuyên ngành:

4.1. Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

4.2. Môn cơ sở ngành: Hóa lý

4.3. Môn chuyên ngành: Hóa kỹ thuật

5. Kế hoạch tuyển sinh

5.1. Thời gian nộp hồ sơ dự thi: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 10/11/2022.

5.2. Thời gian đăng ký học bổ sung: Từ ngày 9/6/2022 – Đối với những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành trong danh mục các ngành phải học bổ sung.

5.3. Thời gian và địa điểm dự thi: Dự kiến từ ngày 20 ÷ 27/11/2022 tại trường Đại học Công nghiệp Việt Trì.

6. Ưu tiên trong tuyển sinh, đào tạo

5.1. Đối tượng ưu tiên: theo quy chế hiện hành của Nhà trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Mức ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 5.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn Ngoại ngữ (thang điểm 100).

7. Hồ sơ dự tuyển

7.1. Đơn xin dự thi;

7.2. Bản sao có chứng thực bằng/giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, bằng điểm cao học (nếu có). Người dự tuyển có bằng đại học hệ liên thông phải nộp cả bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp và bằng điểm trung cấp/cao đẳng. Thí sinh đăng ký dự thi theo văn bằng 2 thì phải có bằng và bằng điểm văn bằng 1. Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công chứng dịch tiếng Việt và kèm theo bản công chứng Văn bản Công nhận văn bằng do Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp;

7.3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương;

7.4. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của bệnh viện từ tuyến huyện trở lên (có thời hạn trong 06 tháng kể từ ngày khám);

7.5. Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);

7.6. Minh chứng học bổ sung kiến thức (nếu có);

7.7. 03 ảnh cỡ 4x6 chụp không quá 01 năm tính đến ngày dự thi, cho vào phong bì ghi rõ họ tên.

8. Lệ phí dự tuyển, học bổ sung kiến thức và học phí:

- Lệ phí hồ sơ: 100.000 đồng/hồ sơ;

- Lệ phí học bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành trong danh mục các ngành phải học bổ sung): theo học phí đại học hiện hành.

- Lệ phí thi: 360.000 đồng.

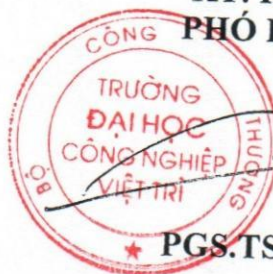
- Học phí theo quy định hiện hành.

Mọi chi tiết xin liên hệ với Phòng Quản lý Đào tạo – Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì.

- Địa chỉ nhận hồ sơ:
 - + Cơ sở Việt Trì: Phòng 105, Nhà N1 - Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì – Số 11, Đường Tiên Sơn, Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
 - + Cơ sở Lâm Thao: Phòng 207, Nhà C3 - Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì – Xã Tiên Tiên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.
- Email: phdaotao@vui.edu.vn
- Website: <http://vui.edu.vn>
- Điện thoại cố định: 02106.574785; Di động: 0904.517.587.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị toàn trường;
- Đăng Website;
- Lưu VT, QLĐT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Trần Thị Hằng





PHỤ LỤC 1
DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH GẦN, NGÀNH PHÙ HỢP
(Ban hành kèm theo Thông báo số 75/TB-ĐHCNVT, ngày 10 tháng 06 năm 2022)

Nhóm 1: Ngành đúng (Không cần học bổ sung kiến thức)	Nhóm 2: Ngành gần (Tùy từng CTĐT sẽ quyết định khối lượng tín chỉ phải học bổ sung đảm bảo nền tảng kiến thức đầu vào)	Nhóm 3: Các ngành còn lại (Phải học bổ sung kiến thức đảm bảo nền tảng kiến thức đầu vào)
Kỹ thuật hóa học Công nghệ kỹ thuật hóa học	Chỉ huy kỹ thuật Hóa học; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường; Hóa học; Sư phạm Hoá học; Sư phạm khoa học tự nhiên; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Hóa dược; Công nghệ hóa dược; Kỹ thuật khai khoáng; Công nghệ dầu khí và khai thác dầu; Kỹ thuật dầu khí; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Công nghệ vật liệu; Kỹ thuật Vật liệu kim loại; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng.	Gồm các ngành đào tạo không thuộc nhóm 1 và 2 (Ngành có một số học phần liên quan đến Hóa học)



PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ VỚI THÍ SINH DỰ TUYỂN

(Ban hành kèm theo Thông báo số 75/TB-ĐHCNVT, ngày 10 tháng 06 năm 2022)

Thí sinh dự tuyển có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

1. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
2. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày dự tuyển;
3. Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên (còn hiệu lực tính đến ngày dự tuyển) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định:

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ / Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179



TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2